

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Huyền Trang

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH CHÂU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Huyền Trang Mã SV: 1212401007
Lớp: QT1603K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ
Minh Châu.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu.
- Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2014 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Minh Châu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 5 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Huyền Trang

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Sinh viên Nguyễn Thị Huyền Trang, lớp QT1603K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

- Đồng thời, sinh viên Trang rất chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận. Ngoài ra sinh viên Trang còn thể hiện quá trình nghiên cứu nghiêm túc thể hiện ở nội dung bài viết khá sâu và số liệu khá phong phú.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Chương 1: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Chương 2: Mô tả khá chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu. Số liệu được khảo sát năm 2014 khá phong phú và logic.

- Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu. Các kiến nghị được đánh giá có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày 5 tháng 7 năm 2016
Cán bộ hướng dẫn

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	2
1.1.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.3.1. Doanh thu	3
1.1.3.2. Chi phí	5
1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	9
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	13
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	14
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	14
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	14
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	17
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	19
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	19
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	21
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	22
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	22
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	22

1.2.5.	<i>Kế toán thu nhập khác và chi phí khác</i>	24
1.2.5.1.	<i>Chứng từ sử dụng</i>	24
1.2.5.2.	<i>Tài khoản sử dụng</i>	24
1.2.5.3.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	25
1.2.6.	<i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	26
1.2.6.1.	<i>Chứng từ sử dụng</i>	26
1.2.6.2.	<i>Tài khoản sử dụng</i>	26
1.2.6.3.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	26
1.3.	Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	28
1.3.1.	<i>Hình thức kế toán Nhật ký chung</i>	28
1.3.2.	<i>Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái</i>	29
1.3.3.	<i>Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ</i>	32
1.3.4.	<i>Hình thức kế toán trên máy vi tính</i>	34
	CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH CHÂU	36
2.1.	<i>Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu</i>	36
2.1.1.	<i>Quá trình hình thành và phát triển của công ty</i>	36
2.1.2.	<i>Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty</i>	37
2.1.3.	<i>Thuận lợi, khó khăn và chiến lược của công ty</i>	38
2.1.4.	<i>Tổ chức bộ máy quản lý của công ty</i>	40
2.1.4.1.	<i>Cơ cấu bộ máy quản lý</i>	40
2.1.4.2.	<i>Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban trong công ty</i>	40
2.1.5.	<i>Tổ chức bộ máy kế toán của công ty</i>	42
2.1.5.1.	<i>Cơ cấu bộ máy kế toán</i>	42
2.1.5.2.	<i>Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận</i>	42
2.1.5.3.	<i>Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty</i>	43
2.1.5.4.	<i>Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán</i>	43
2.1.5.5.	<i>Tổ chức hệ thống sổ kế toán</i>	43
2.1.5.6.	<i>Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính</i>	44
2.2.	Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu	45
2.2.1.	<i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty</i>	45
2.2.2.	<i>Kế toán giá vốn hàng bán</i>	51

2.2.3. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính .	56
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	61
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	67
2.2.6. Kế toán chi phí thuế TNDN	67
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	71
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH CHÂU.....	81
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu.....	81
3.1.1. Ưu điểm	81
3.1.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty.....	81
3.1.1.2. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	82
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	83
3.2. Một số giải pháp nhằm góp phần xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu	84
3.2.1. Hoàn thiện hệ thống tài khoản tại công ty.....	84
3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại công ty	85
3.2.3. Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi	90
3.2.4. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty.....	94
KẾT LUẬN	97

DANH MỤC VIẾT TẮT

1	CCDV	Cung cấp dịch vụ
2	CKTM	Chiết khấu thương mại
3	CP	Cổ phần
4	DNSX	Doanh nghiệp sản xuất
5	GTGT	Giá trị gia tăng
6	HĐSXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
7	HĐTC	Hoạt động tài chính
8	HTK	Hàng tồn kho
9	K/c	Kết chuyển
10	NNSN	Ngân sách Nhà nước
11	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
12	SPS	Số phát sinh
13	SX	Sản xuất
14	SXKD	Sản xuất kinh doanh
15	TK	Tài khoản
16	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
17	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
18	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
19	TSCĐ	Tài sản cố định
20	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
21	XDCB	Xây dựng cơ bản
22	XK	Xuất khẩu

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay trong bối cảnh đất nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp ngày càng được tạo điều kiện tự do cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Thực trạng đó đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những đánh giá cụ thể về kết quả hoạt động kinh doanh từ đó xây dựng phương hướng phát triển cho doanh nghiệp.

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu**” làm khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu.

Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng và các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 06 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Huyền Trang

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ****1.1.1. *Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ***

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng; là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó thì đều gây ra những khó khăn trong việc quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản

lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2. *Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3. *Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*

1.1.3.1. *Doanh thu*

❖ *Khái niệm*

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ *Các loại doanh thu*

• *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, phí lắp đặt,...) nếu có.

- Theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng
 - ✓ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: theo phương thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
 - ✓ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.
 - ✓ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.
 - ✓ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả đó được xác định khi thỏa mãn cả bốn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
 - ✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• **Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- Thuế GTGT phải nộp: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

• **Doanh thu hoạt động tài chính**

Là tổng các giá trị, các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

• **Thu nhập khác**

Theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2. Chi phí

❖ **Khái niệm**

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

❖ Các loại chi phí**• Giá vốn hàng bán**

Là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

- Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO): áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

• Chi phí quản lý kinh doanh

Là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành...và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý

chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

- **Chi phí hoạt động tài chính**

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn.

- **Chi phí khác**

Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: là thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Lợi nhuận	Doanh	Các	Giá	Chi phí
thuần từ	thu bán	khoản	vốn	quản lý
hoạt động	hàng và	giảm trừ	hàng	kinh
SXKD	CCDV	doanh thu	bán	doanh

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận thuần từ HĐSXKD, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ HĐSXKD} + \text{Lợi nhuận từ HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- Thuế TNDN phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Lợi nhuận sau thuế TNDN: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch...

• Kết cấu

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
	X	

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:
 - TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
 - TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
 - TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - TK 5118 – Doanh thu hoạt động khác

❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Kết cấu

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
✕		

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:
 - TK 5211 – Chiết khấu thương mại
 - TK 5212 – Hàng bán bị trả lại
 - TK 5213 – Giảm giá hàng bán

❖ **Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Kết cấu

Nợ	TK 333	Có
		_____ -
<ul style="list-style-type: none"> - Thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
		_____ -

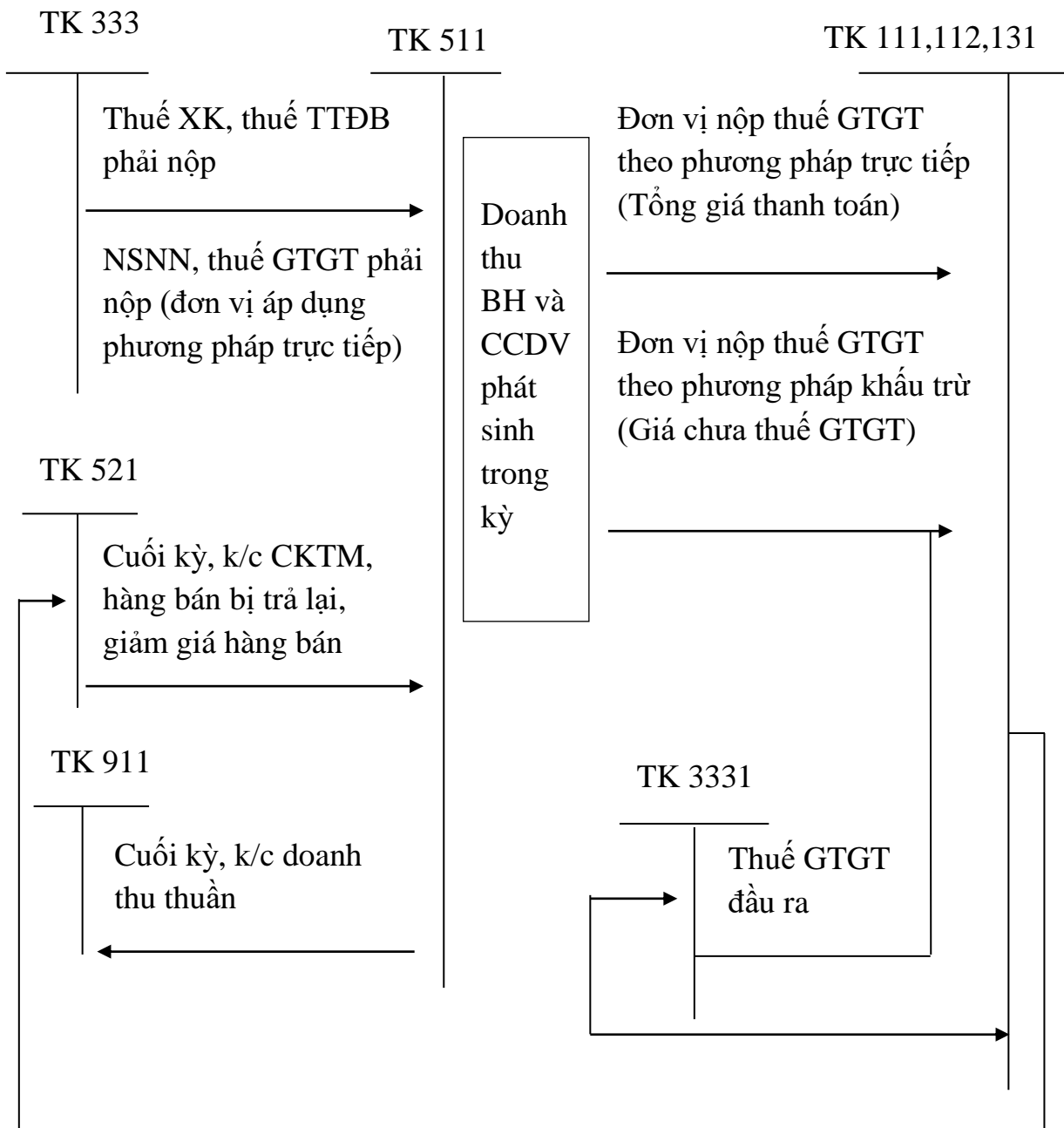
- Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tài khoản cấp 2, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:
 - TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp.
 - TK3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt.
 - TK 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua **sơ đồ 1.1** như sau:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu chi, giấy báo nợ...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

- Kết cấu
- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ TK 911 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
X		

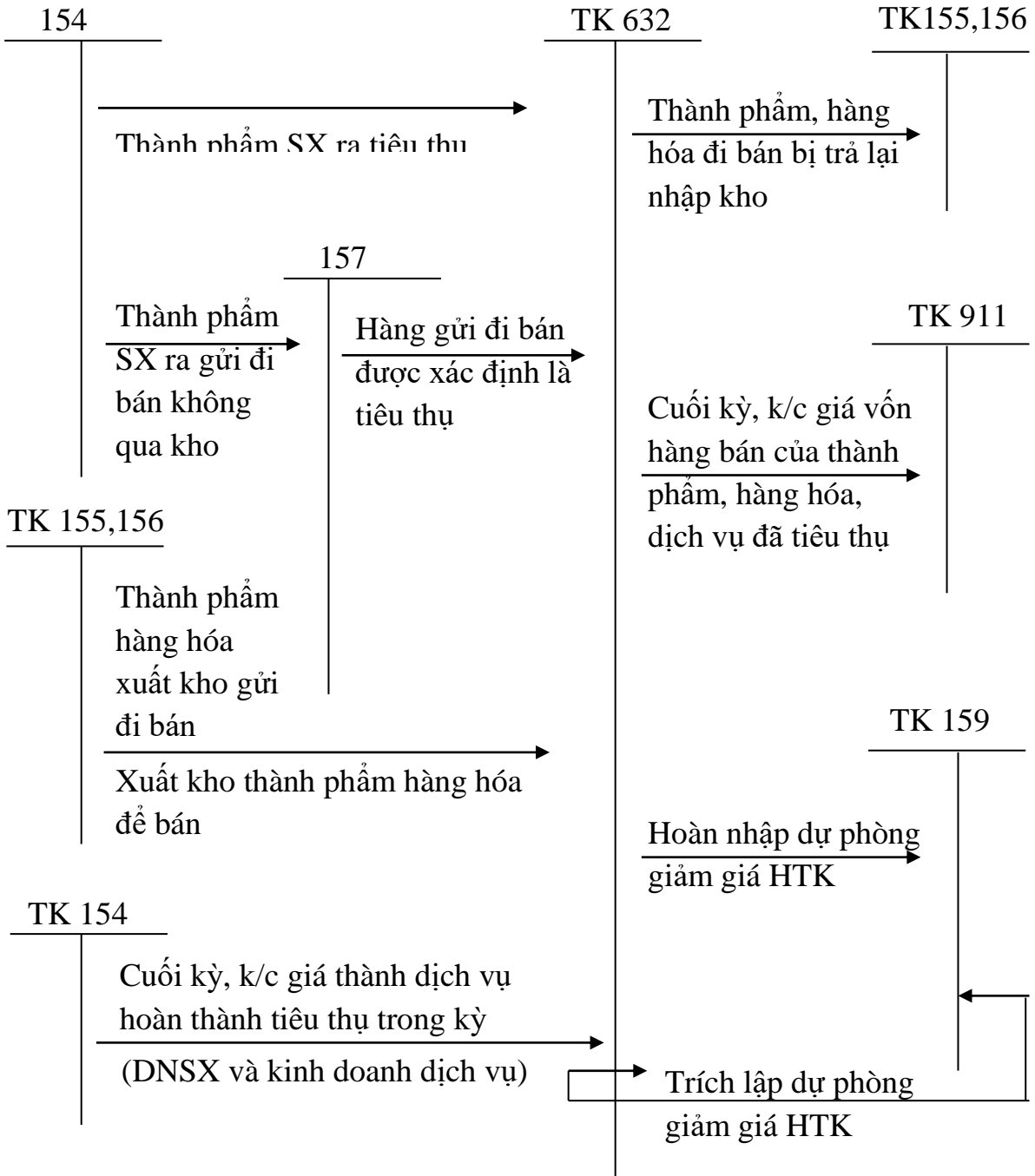
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155 – Thành phẩm. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
✕		

- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

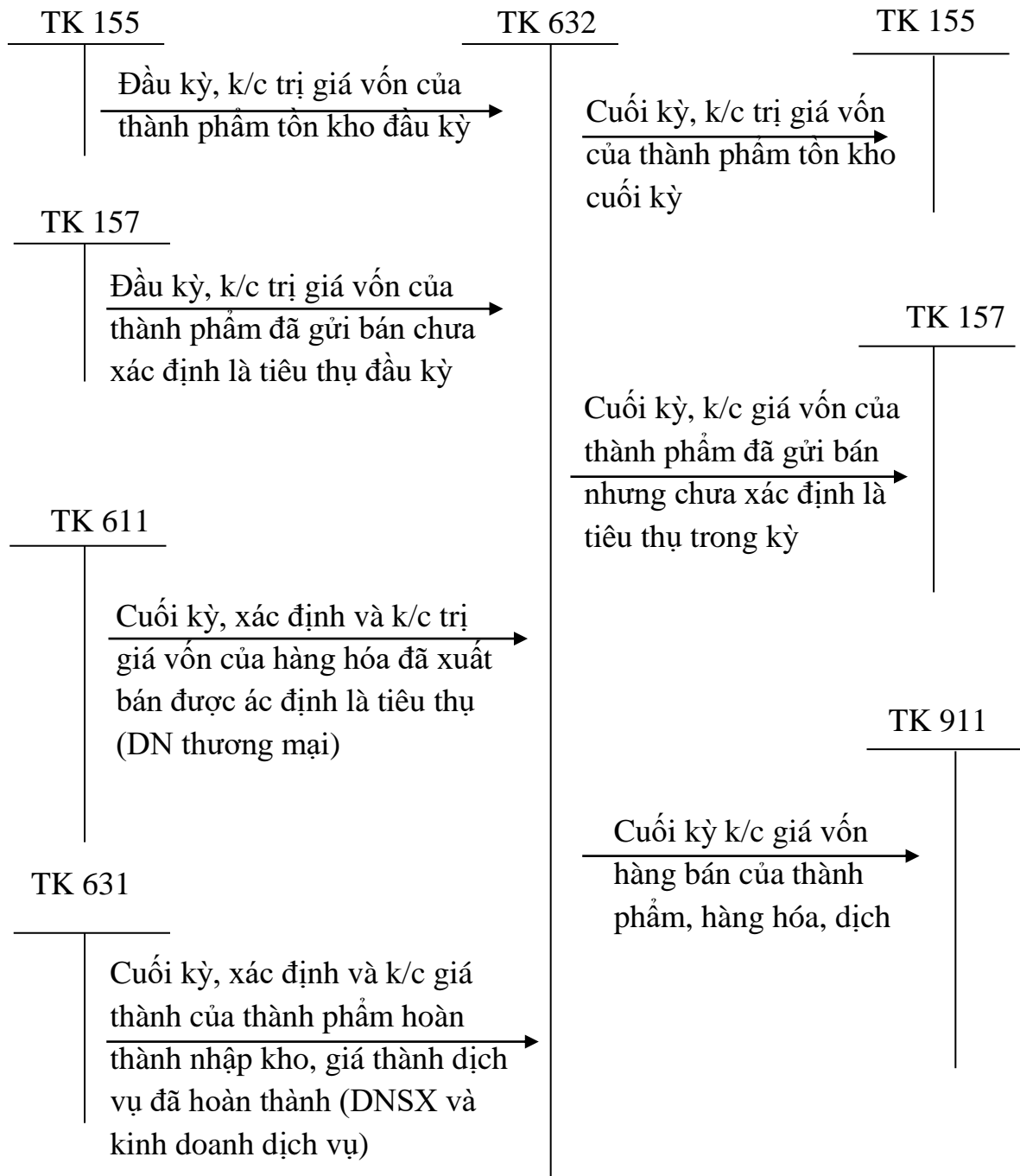
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. ✓ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. ✓ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. ✓ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. ✓ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	
X		

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kê khai định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có (giấy báo lãi)
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính. - Doanh thu HĐTC khác phát sinh trong kỳ. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
	X	

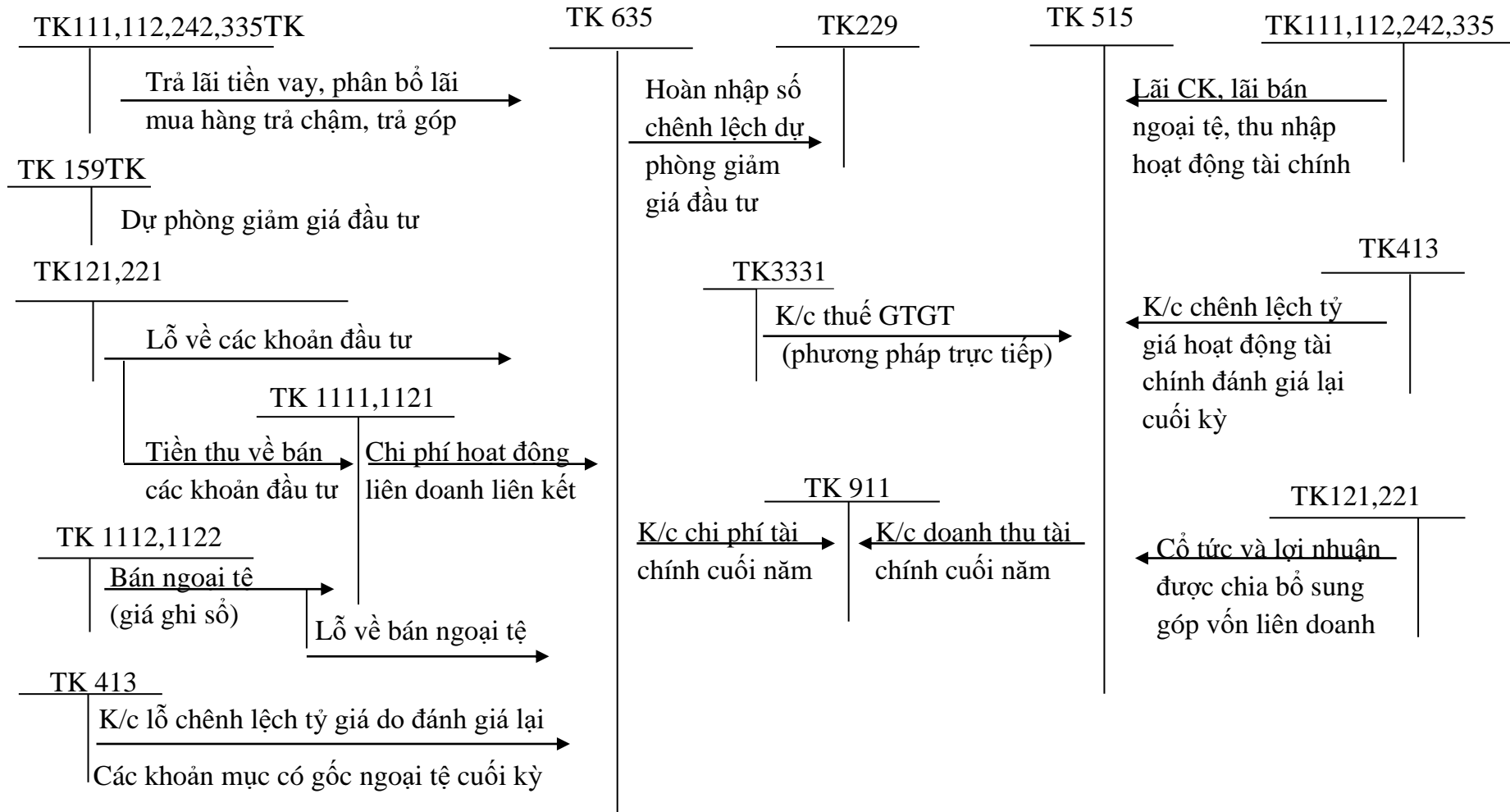
❖ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

- Kết cấu

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện). - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện). - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
	✕	

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, giấy báo nợ, phiếu chi.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

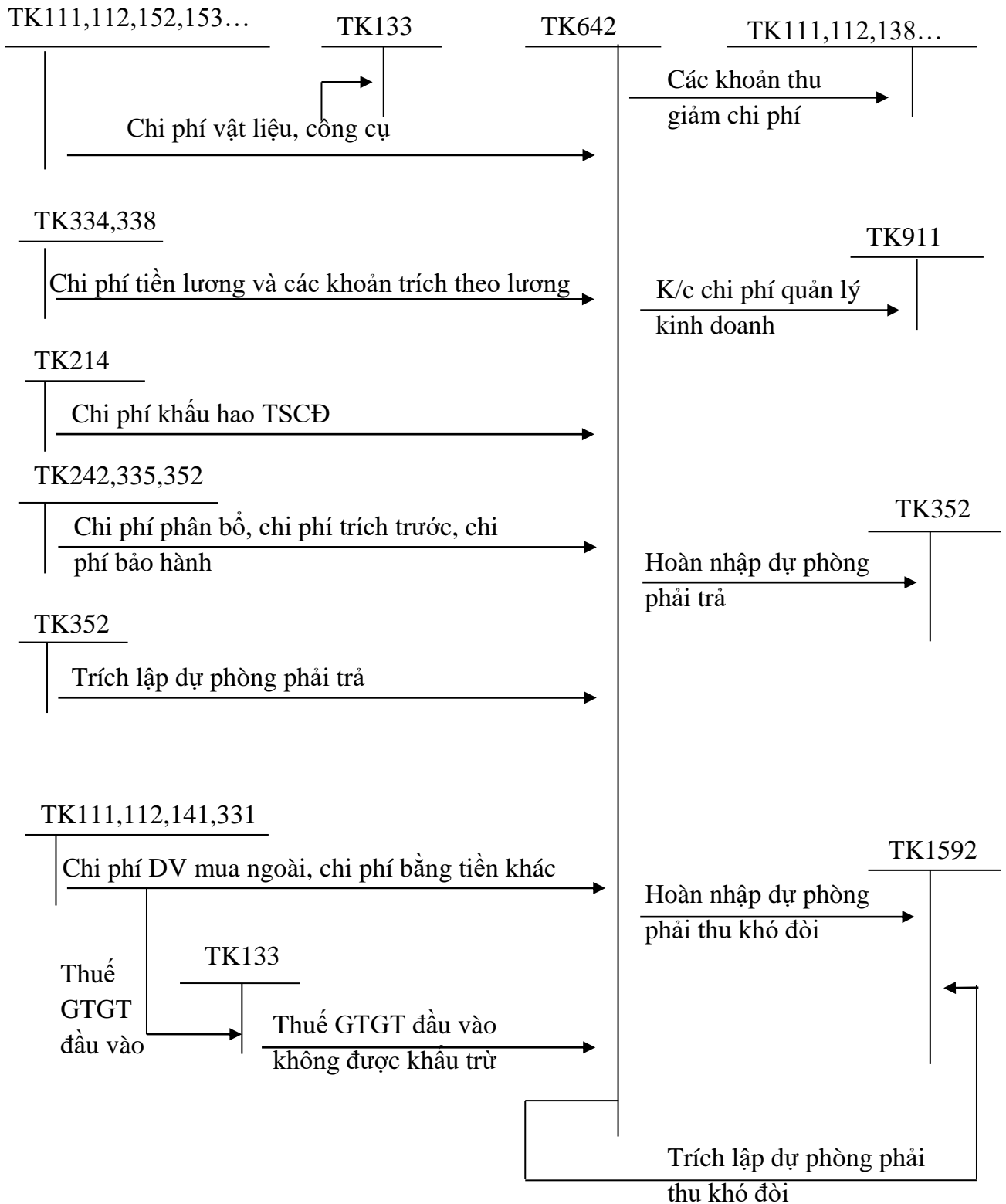
- Kết cấu

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	
	✕	

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, có 2 tài khoản cấp 2:
 - TK 6421 – Chi phí bán hàng
 - TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

- Kết cấu

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
X		

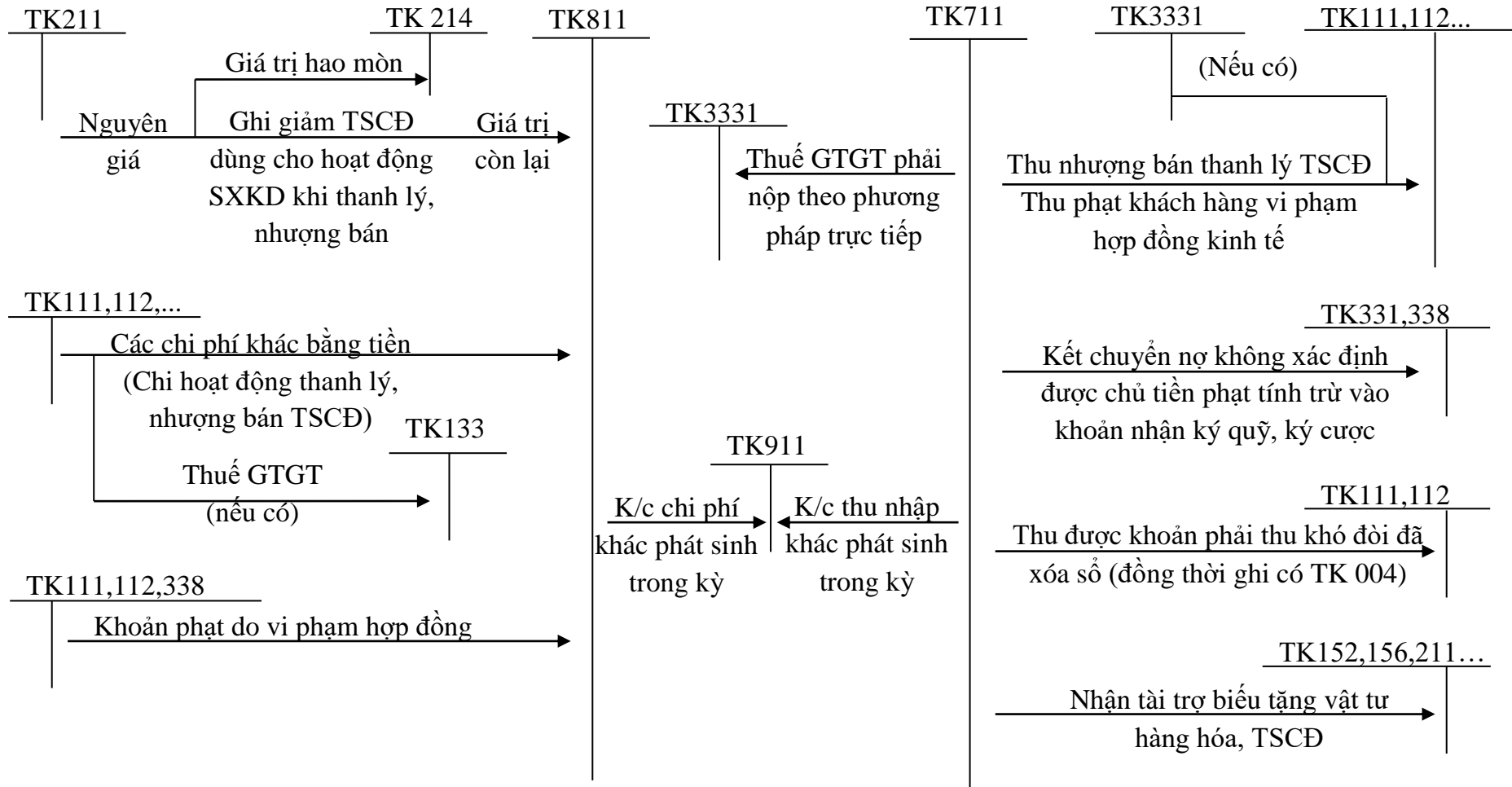
❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

- Kết cấu

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí khác phát sinh. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
X		

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

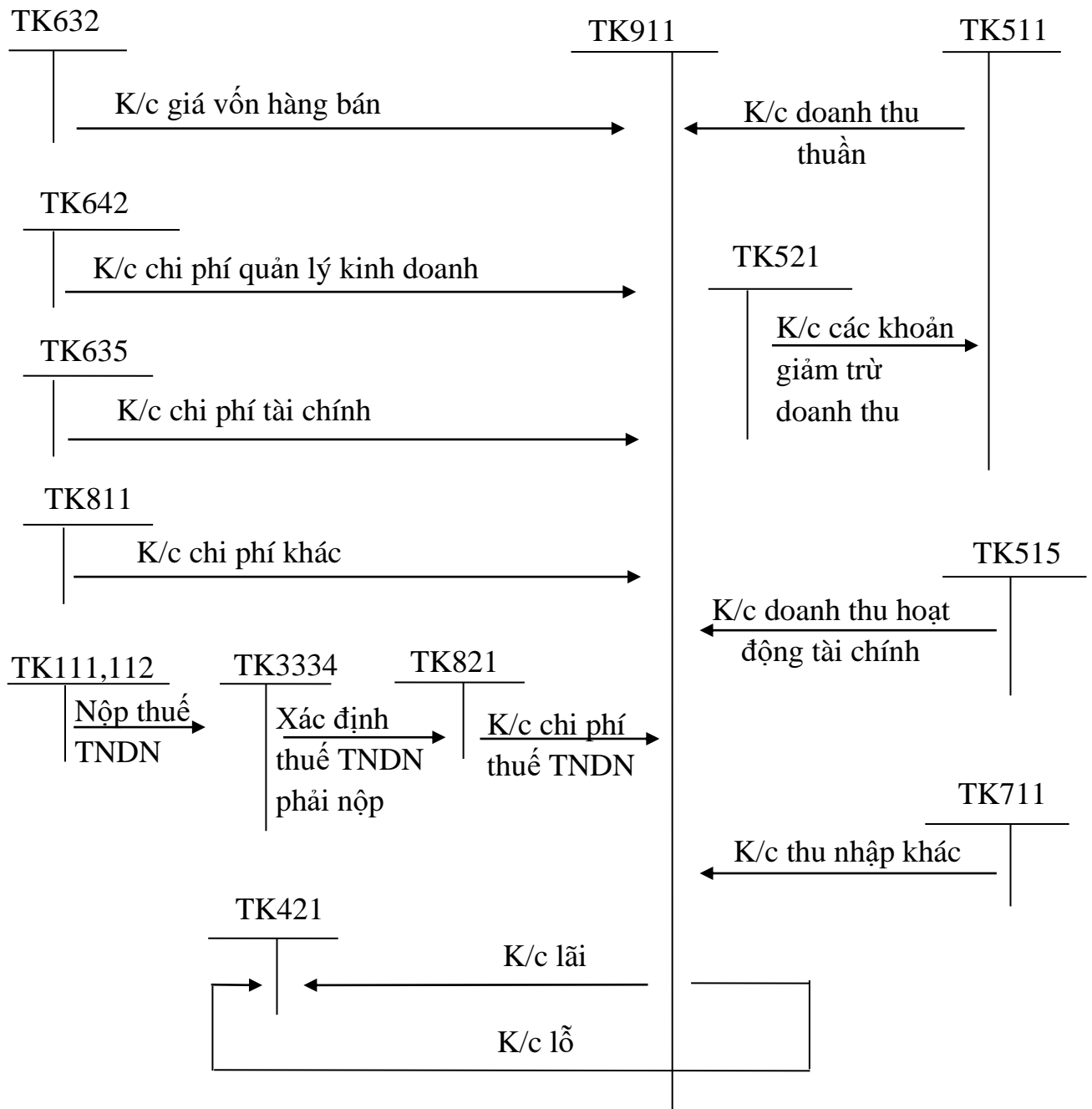
❖ **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

- Kết cấu

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
	X	

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)

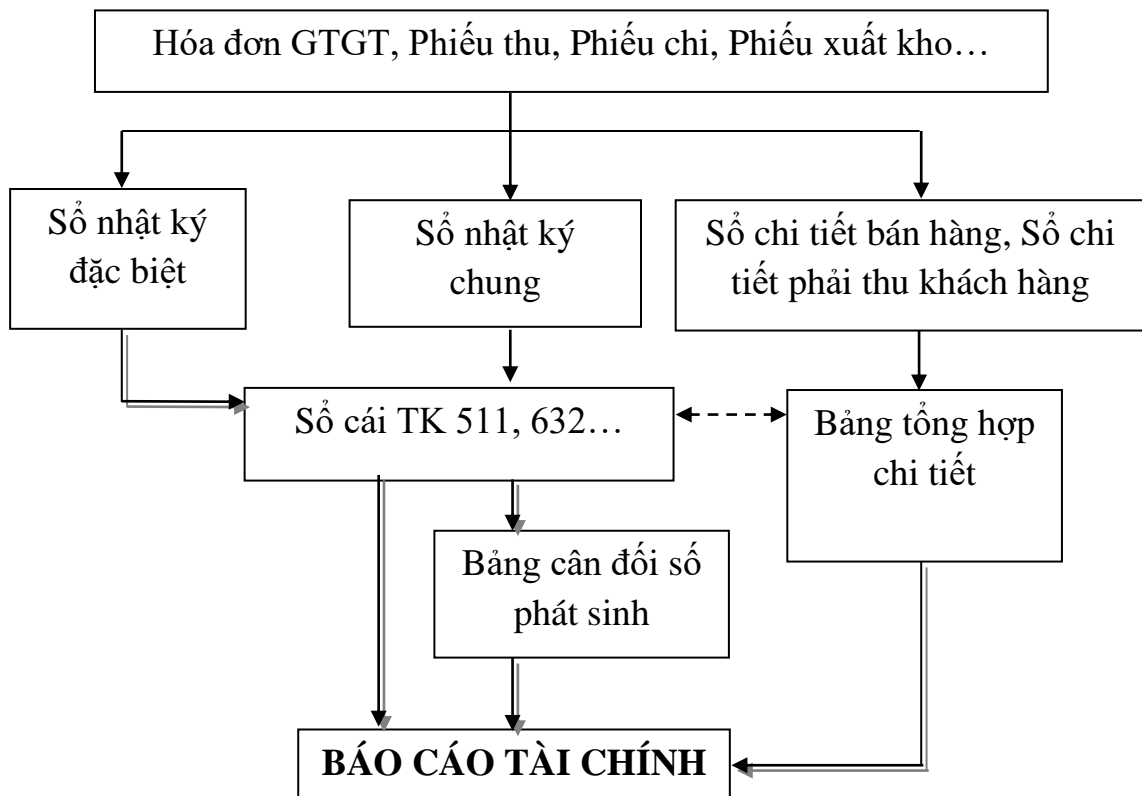
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung.
- Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

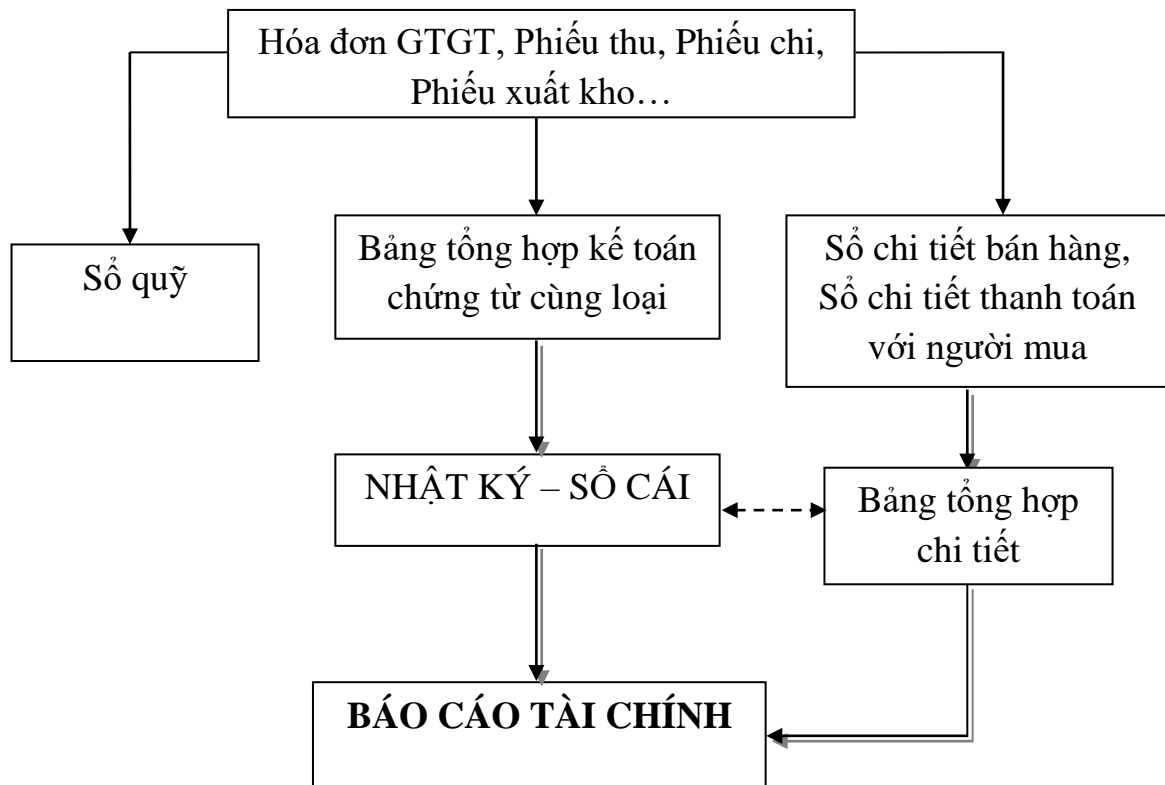
❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- (1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nhiệm vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- (2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.
- (3) Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong 1 ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ cái, được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

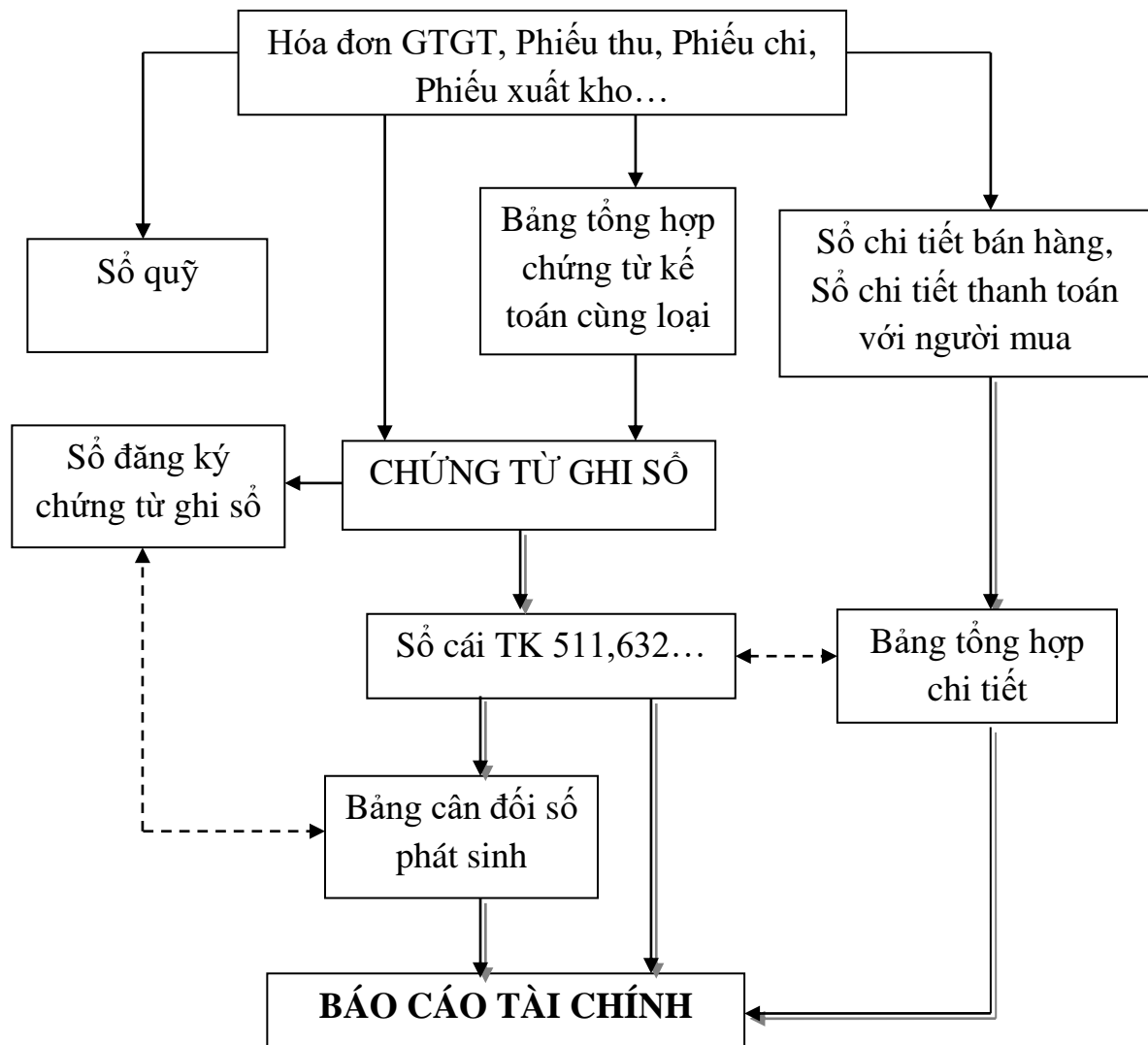
- (2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ cái và các Sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cột phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ cái.
- (3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký – Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát} \\ \text{sinh Nợ của tất} \\ \text{cả các Tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh Có} \\ \text{của tất cả các Tài} \\ \text{khoản} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số dư Nợ các} \\ \text{tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số dư Có các} \\ \text{Tài khoản} \end{array}$$

- (4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên Bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

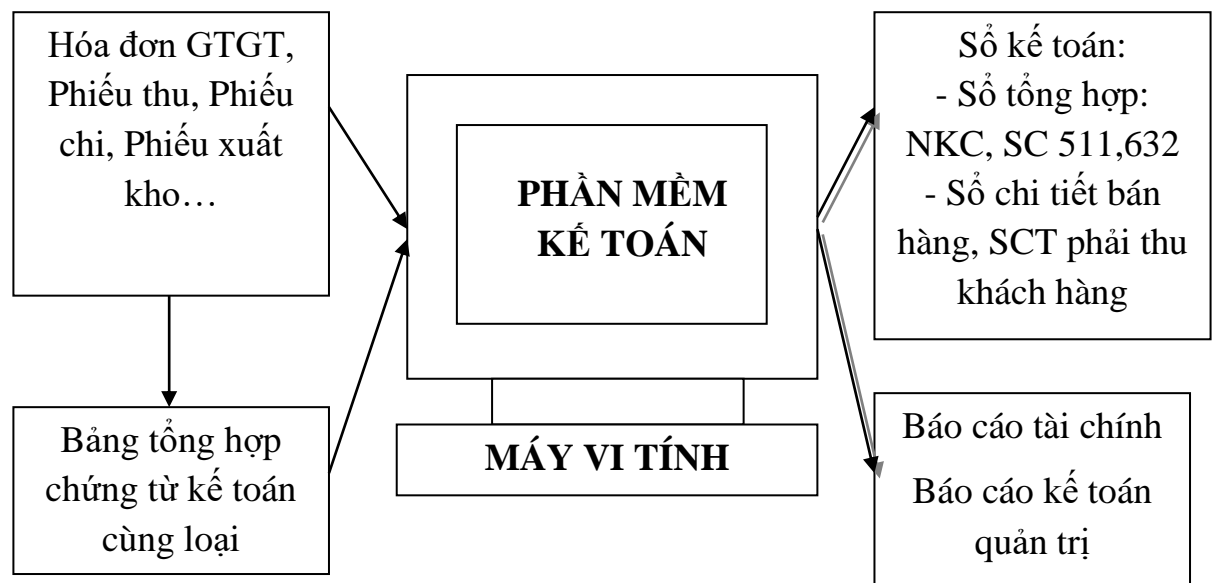
❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- (1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.
- (2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.
- (3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú: Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào Sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Sổ Nhật ký – Sổ cái...) và các Sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa Sổ kế toán với Báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm Sổ kế toán tổng hợp và Sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về Sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH CHÂU

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

❖ Tên, quy mô, địa chỉ của công ty

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu
- Tên giao dịch: MINH CHAU TRASERCO
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).
- Địa chỉ trụ sở chính: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3766970
- Mã số thuế: 0200635046
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:0202002787 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 28/06/2005
- Chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/08/2005
- Đại diện pháp luật: Trần Quang Khanh

+ Địa chỉ: 123 Đường Lê Văn Thuyết, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

❖ Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu thành lập và đi vào hoạt động được 11 năm, đây là một trong những đơn vị có uy tín, đã và đang khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu thành lập ngày 28/06/2005 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202002787 - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Quy mô ban đầu của công ty chỉ là một văn phòng nhỏ với số vốn ít ỏi, bất chấp khó khăn, gian khổ, làm việc trong điều kiện hết sức khó khăn, thiếu thốn đủ đường. Lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân

viên đã “khởi nghiệp” từ vô vàn khó khăn nhưng công ty vẫn quyết tâm thực hiện vì mục tiêu khẳng định uy tín và thương hiệu của mình.

Trong suốt quá trình hoạt động, không thể kể hết những khó khăn chồng chất cũng như những trở ngại không lường mà tập thể cán bộ công nhân viên phải vượt qua từ những ngày tháng khởi nghiệp. Đòi lại đến nay công ty đã khẳng định được uy tín, vị thế và thương hiệu của mình trong lĩnh vực kinh doanh thương mại. Để tồn tại trên thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường cũng như sự phát triển không ngừng của đất nước, công ty đã xây dựng chiến lược cho riêng mình, trong đó trọng tâm là đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời, công ty cũng chú trọng đầu tư cho công tác Marketing, tích cực quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu. Qua đó, đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư, đồng thời tạo được nền móng vững chắc để công ty phát triển trong điều kiện mới.

Đất nước chuyển mình bước sang thời kỳ đổi mới đặt ra trước mắt công ty nhiều cơ hội cũng như vô vàn thách thức, đòi hỏi công ty phải nhanh chóng thay đổi công tác quản lý, tổ chức theo hướng gọn nhẹ, năng động để thích nghi, tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt. Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, đầu tư tập trung, có trọng điểm và khả thi về vốn, tiến hành phân kỳ đầu tư, đảm bảo dự án đầu tư hiệu quả, ổn định công ăn việc làm cho người lao động.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

❖ Chức năng

- Sử dụng vốn có hiệu quả, không ngừng phát triển kinh doanh trên cơ sở, giữ vững các sản phẩm chủ yếu hiện đang kinh doanh, tiếp tục mở rộng đầu tư chiều sâu đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đúng cam kết của mình với các đối tác, đảm bảo sự tín nhiệm của công ty với các bạn hàng trong và ngoài nước.

- Tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

❖ **Ngành nghề kinh doanh**

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ và các sản phẩm liên quan
 - o Chi tiết:
 - ✓ Dầu Diesel
 - ✓ Dầu FO
 - ✓ Dầu nhớt thủy lực PLC T68
 - ✓ Dầu nhớt Rubi Cplus 20W50
 - ✓ Dầu nhớt Castrol Sea 40
 - ✓ Dầu nhớt động cơ
 - ✓ Dầu nhớt Turbine T68
 - ✓ Dầu nhớt Super 20W40
 - ✓ Dầu nhớt Caltex Super 20W50
 - ✓ Dầu nhớt Vanellus 20W40
 - ✓ Dầu nhớt Vanellus 20W50
 - ✓ Dầu nhớt Mobile Gard 430
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn và chiến lược của công ty

Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam mở cửa hội nhập với nền kinh tế trong khu vực Châu Á và trên toàn thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp trong nước. Ngành công nghiệp của Việt Nam trong những năm qua đã có những bước nhảy vọt đáng kể, đáp ứng phần nào nhu cầu tiêu dùng trong nước cũng như nhu cầu xuất khẩu ra nước ngoài. Điều này sẽ tạo ra cho công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu tiếp tục duy trì và phát triển dịch vụ kinh doanh của mình cũng như mở rộng ra một số lĩnh vực mới.

Tuy nhiên, công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế và những khó khăn riêng của bản thân mình. Những khó khăn chung đó

là công ty phải cạnh tranh mạnh mẽ, khắc nghiệt với những doanh nghiệp khác trong thành phố. Mặt khác công ty phải đối mặt với những khó khăn riêng của bản thân công ty như nguồn vốn hạn hẹp không thể mở rộng quy mô kinh doanh, đầu tư các trang thiết bị mới, ... Đó là những khó khăn mà công ty phải đối mặt trong hiện tại và tương lai.

Trong thời gian sắp tới, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu sẽ cố gắng khắc phục khó khăn trước mắt và nắm bắt tốt được cơ hội trong tương lai để công ty ngày càng phát triển, đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Trong tương lai, công ty sẽ kinh doanh những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nhu cầu của nền kinh tế. Đó là định hướng phát triển của công ty trong tương lai nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Đặc biệt trong kinh doanh công ty luôn phải đặt chữ “Tín” lên hàng đầu, “tín” trong quan hệ làm ăn, và “tín” trong đảm bảo chất lượng sản phẩm. Phải làm sao để các mặt hàng kinh doanh của mình ngày càng phát triển thu lợi nhuận cho công ty, làm cho mức vốn ngày càng tăng cao, để đa dạng hóa về mặt hàng sản phẩm

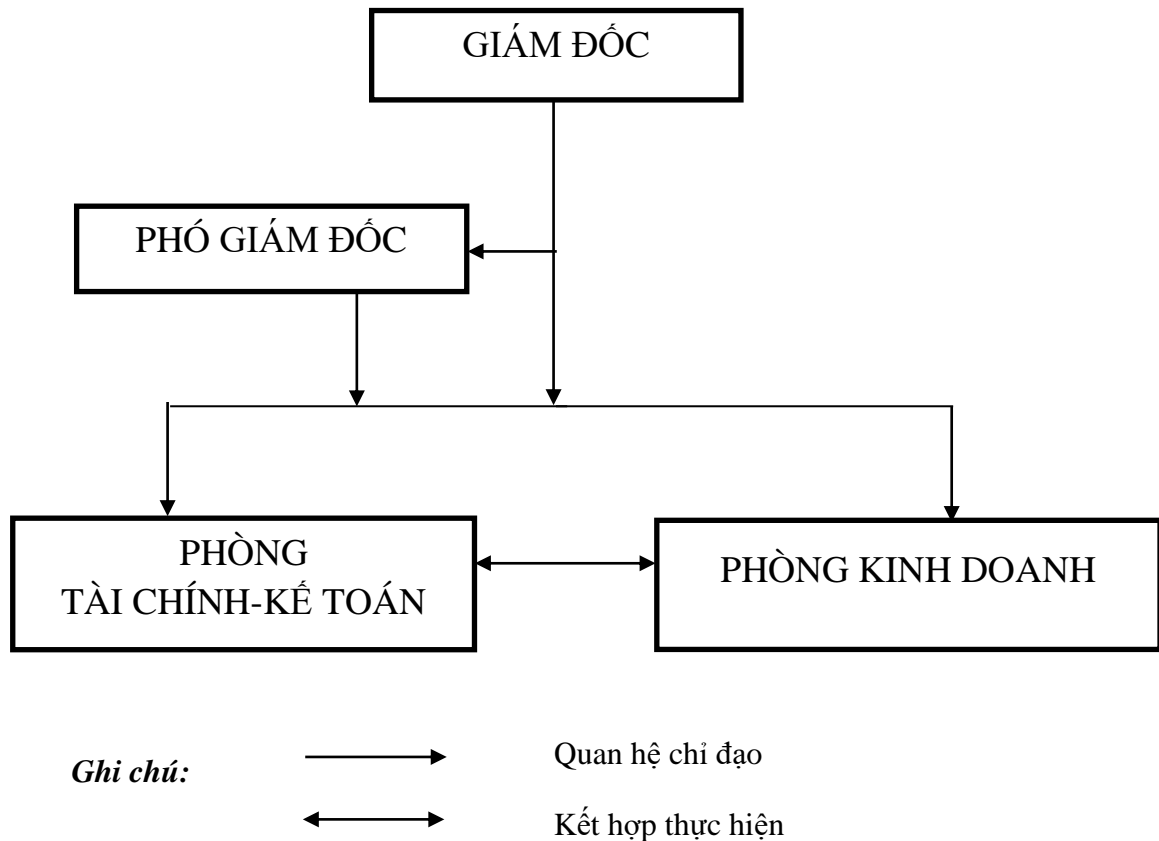
Công ty có chiến lược theo dõi sát sao tình hình biến đổi giá cả trên thế giới để đưa ra cách phòng tránh những ảnh hưởng xấu của chúng đến doanh số .

Công ty thường có chính sách đãi ngộ tốt, tuyển dụng và đào tạo để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Là một đơn vị hạch toán kế toán độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động quản lý và điều hành công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu được tổ chức theo sơ đồ 2.1 sau:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban trong công ty

❖ Chức năng và nhiệm vụ của Giám đốc

- Là người chịu trách nhiệm chung và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua các phòng ban chức năng.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty.
- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty thuộc thẩm quyền của giám đốc.
- Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định).

- Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng kinh doanh
- Quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ nhân viên.
- Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định
- Tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật lao động.

❖ Chức năng và nhiệm vụ của Phó giám đốc

- Là người cộng sự đắc lực, tích cực cho Giám đốc, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ do giám đốc phân công.
- Phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những nhiệm vụ được giao, chủ động trong các tình huống phát sinh, bàn bạc đề xuất với Giám đốc về những biện pháp quản lý, xử lý nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu lực quản lý trong hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ Chức năng và nhiệm vụ của Phòng tài chính - kế toán

- Đặt trực tiếp dưới sự chỉ đạo của Giám đốc, có chức năng tổ chức thực hiện ghi chép, xử lý và cung cấp các số liệu về tình hình tài chính kế toán của công ty, thực hiện phân tích hoạt động kinh tế theo yêu cầu của Giám đốc.
- Phòng tài chính kế toán còn kết hợp với các phòng chức năng khác nhằm giám sát quá trình kinh doanh đảm bảo nhu cầu về vốn cho kinh doanh, thực hiện việc tính toán chính xác cho kinh doanh và phân phối lợi nhuận.

❖ Chức năng và nhiệm vụ của Phòng kinh doanh

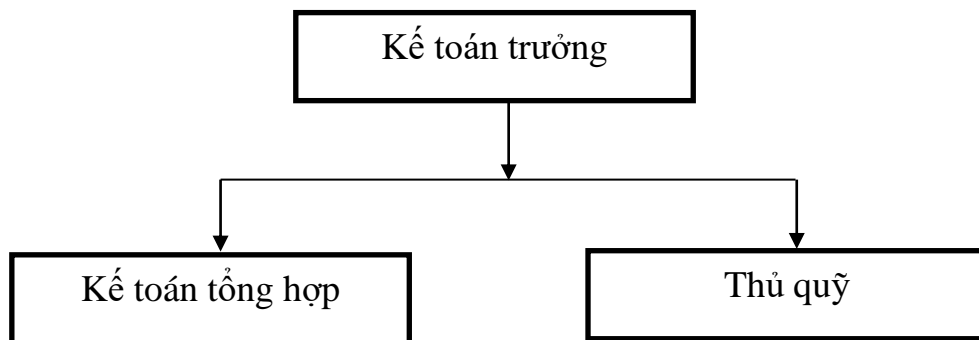
- Tham mưu cho giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức khai thác, thực hiện các hợp đồng kinh tế trong hoạt động kinh doanh của công ty với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc cao, xây dựng mối quan hệ gắn bó với các đối tác trong và ngoài nước.
- Tham mưu cho giám đốc trong công tác chuẩn bị và điều hành sản xuất đảm bảo đúng kế hoạch tiến độ giao hàng mà công ty đã ký kết với khách hàng.
- Đây là phòng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty. Cụ thể phòng kinh doanh có nhiệm vụ:

- ✓ Tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch trong năm của công ty để giao cho các bộ phận lập báo cáo định kỳ để phản ánh tình hình kết quả kinh doanh của công ty.
- ✓ Kết hợp với phòng kế toán để công tác tiêu thụ hàng hóa không bị tắc nghẽn do thiếu hàng.
- ✓ Phân tích các khả năng tiêu thụ vật tư, hàng hóa hiện tại, nếu mặt hàng nào tiêu thụ chậm cần phải tìm hiểu để đưa ra các phương án tiêu thụ tốt hơn, đồng thời đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.1.5.1. Cơ cấu bộ máy kế toán

- Hiện nay phòng tài chính kế toán của công ty bao gồm 03 người trong đó có 01 kế toán trưởng, 01 kế toán viên và 01 thủ quỹ kiêm văn thư.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

- Kế toán trưởng: Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức ghi chép và kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn của công ty, các định mức tiền lương tiền thưởng... đồng thời xử lý các khoản hao hụt, mất mát. Thực hiện lập và gửi cấp trên đầy đủ, đúng hạn các báo cáo kế toán. Phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh và phân tích kết quả kinh doanh nhằm mục đích cung cấp thông tin cho nhà quản trị công ty ra quyết định kinh doanh, xây dựng các kế hoạch tài chính cho công ty.

- Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán và bao quát tất cả các phần hành kế toán, chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của kế toán trưởng, trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các

vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước.

- *Thu quỹ*: chịu trách nhiệm quản lý các nguồn vốn bằng tiền của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ phần thu chi, sau đó tổng hợp đối chiếu phần thu chi với kế toán.

2.1.5.3. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu áp dụng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

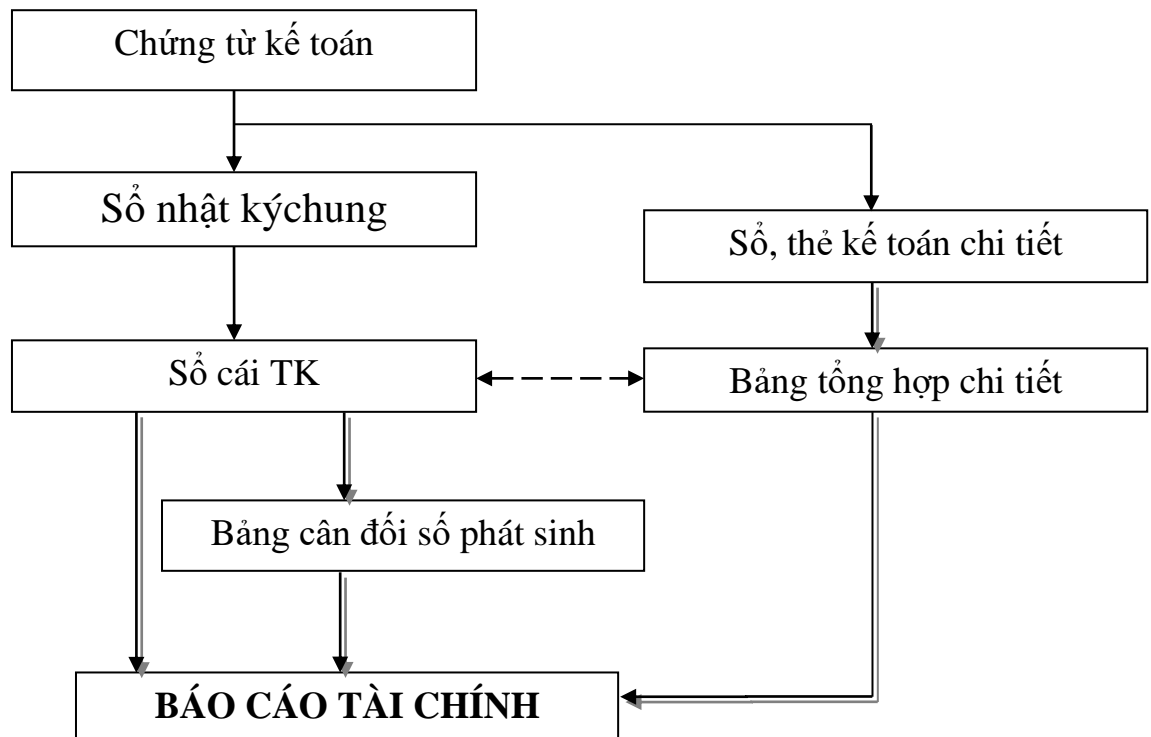
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Tính khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng
- Tính và nộp thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - ✓ Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái thực hiện.
 - ✓ Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn
 - ✓ Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.5.4. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính; hệ thống chứng từ của công ty sử dụng theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

2.1.5.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu được khái quát qua sơ đồ 2.3 như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

2.1.5.6. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

❖ Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thương mại. Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán các loại dầu nhớt, dầu Diesel, dầu Fo,...

Phương thức bán hàng của công ty là bán lẻ

Để tạo điều kiện cho khách hàng, công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả.

❖ Chứng từ sử dụng

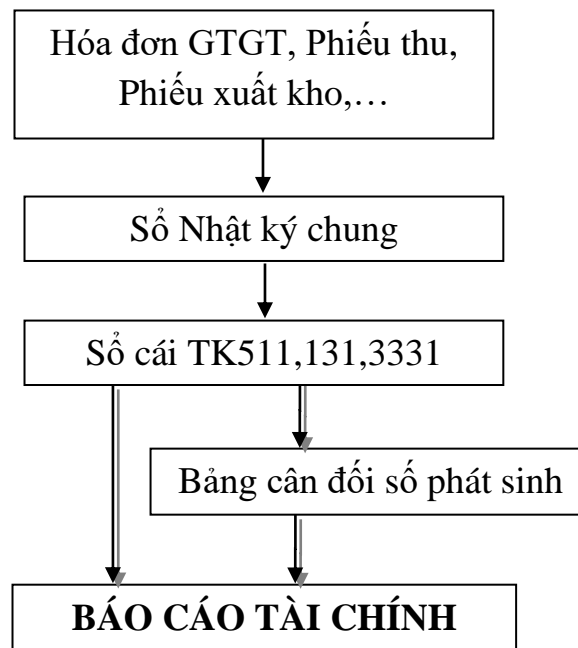
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 156 – Hàng hóa
- TK 3331 – Thuế GTGT đầu vào
- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK liên quan khác

❖ Quy trình hạch toán

Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng, kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa rồi chuyển cho thủ kho để xuất hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho, thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không; từ đó kế toán lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa.



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 05/12/2014, xuất kho bán 6.000lít dầu Diesel cho Công ty TNHH Phúc Nam. Khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản số tiền 124.799.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%.)

Biểu 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000028

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 05/12/2014</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/14P Số: 0000028</p>																																				
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu MST: 0200635064 ĐC: Tầng 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Điện thoại: 0313.766970 Số tài khoản: 102010000968467 tại NH TMCP Công thương Việt Nam- CN Lê Chân HP</p>																																					
<p>Họ và tên người mua hàng: Trần Thị Nhân Tên đơn vị: Công ty TNHH Phúc Nam ĐC: Số 902 Trần Nhân Tông, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán: CKS Số tài khoản: 214210000292351</p>																																					
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th>ĐVT</th> <th>Số lượng</th> <th>Đơn giá</th> <th>Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6 = 4 x 5</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Dầu Diesel</td> <td>Lít</td> <td>6.000</td> <td>18.909</td> <td>113.450.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Cộng tiền hàng:</td> <td>113.450.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3">Thuế suất thuế GTGT: 10%</td> <td colspan="2">Tiền thuế GTGT:</td> <td>11.345.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Tổng cộng tiền thanh toán:</td> <td>124.799.000</td> </tr> </tbody> </table>		STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	1	Dầu Diesel	Lít	6.000	18.909	113.450.000	Cộng tiền hàng:					113.450.000	Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		11.345.000	Tổng cộng tiền thanh toán:					124.799.000
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5																																
1	Dầu Diesel	Lít	6.000	18.909	113.450.000																																
Cộng tiền hàng:					113.450.000																																
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		11.345.000																																
Tổng cộng tiền thanh toán:					124.799.000																																
<p><i>Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng.</i></p>																																					
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>																																			
<p>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</p>																																					

Biểu 2.2: Giấy báo có số 512

Date printed: 05/12/14		4:46:07
Vietinbank		Branch: 00164 DDI064P
Chi nhanh : 164 CN LE CHAN – NHTMCP CONG THUONG VN		
GIAY BAO CO GIAO DICH LIEN CHI NHANH		
NH gui lenh : 169 CN KIEN AN – NHTMCP CONG THUONG VN		
NH nhan lenh: 164 CN LE CHAN – NHTMCP CONG THUONG VN		
So giao dich : DD169013		134
Ngày giao lap : 05/12/14		17:10:26
Tag 32A: So tien: 124.799.000		Loai tien: VND
So tien bang chu: Mot tram hai muoi tu nghin bay tram chin muoi chin nghin dong		
Tag 50 : KH chuyen tien: CTY TNHH PHUC NAM		
So tai khoan : 214210000292351		
Tag 52A : NH ra lenh : 169 CN KIEN AN – NHTMCP CONG THUONG VN		
Tag 57A : NH giu TK : 164 CN LE CHAN – NHTMCP CONG THUONG VN		
Tag 59 : Nguoi thu huong: CT TNHH TM DV MINH CHAU		
So tai khoan : 102010000968467		
Tag 70 : Noi dung thanh toan: TRA TIEN DAU		
NH gui lenh ghi so ngay		gio
Giao dich vien		Kiem soat vien

Biểu 2.3: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03a-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
05/12	PX63	05/12	Giá vốn hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	632 156	106.956.000	106.956.000
05/12	GBC512	05/12	Doanh thu hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	112 511 3331	124.799.000	113.450.000 11.345.000
.....
08/12	PC12/04	08/01	Rút quỹ gửi ngân hàng	112 111	300.000.000	300.000.000
....
			Cộng phát sinh		367.874.158.218	367.874.158.218

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4: Trích sổ cái TK 511

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03b-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
03/06	HĐ972	03/06	Bán dầu Diesel, dầu Fo cho Cty Nam Triệu	131		1.581.720.000
...
05/12	GBC512	05/12	Bán dầu Diesel cho Cty Phúc Nam	112		113.450.000
...
31/12	PKT122	31/12	K/c doanh thu bán hàng và CCDV	911	65.592.921.810	
			Cộng số phát sinh		65.592.921.810	65.592.921.810
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán tròn kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Việc tính toán giá trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Do đó nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn đến kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn của} \\ \text{hàng hóa xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{hóa xuất kho} \end{array} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{sau lần nhập thứ } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa xuất kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

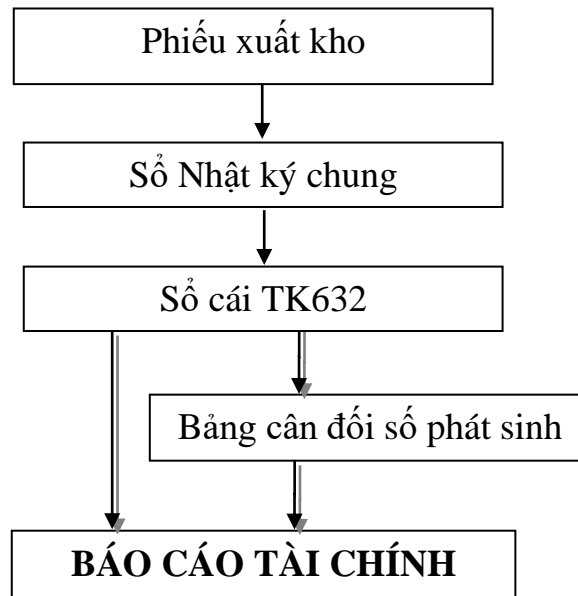
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan...

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa
- TK 111, TK 112,....

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 05/12/2014, xuất kho bán 6.000 lít dầu Diesel cho Công ty TNHH Phúc Nam. Khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản số tiền 124.799.000đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%.)

✓ Tính đơn giá xuất kho ngày 05/12/2014 theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} \\ \text{bình quân ngày} \\ \text{05/12} \end{aligned} = \frac{201.837 * 17.826}{201.837} = 17.826 \text{ (đ/lít)}$$

- Ngày 01/12 tồn 201.837 lít dầu Diesel, đơn giá 17.826 đ/lít
- Ngày 05/12 xuất 6.000lít dầu Diesel

Trị giá xuất kho 05/12 = 6.000*17.826= 106.956.000 (đồng).

Biểu 2.5: Phiếu xuất kho số 63

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số 02-VT
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính
 Tel: (0313) 766.970

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Số: 63

Tài khoản Nợ: 632

Tài khoản Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Trần Thị Nhân

Địa chỉ: 902 Trần Nhân Tông, Phường Văn Đẩu, Quận Kiến An, Hải Phòng

Lý do xuất: Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4=2*3
1	Dầu Diesel		lít	6.000	6.000	17.826	106.956.000
	Cộng						106.956.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm linh sáu triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng.

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 2.6: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03a-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
05/12	PX63	05/12	Giá vốn hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	632 156	106.956.000	106.956.000
05/12	GBC512	05/12	Doanh thu hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	112 511 3331	124.799.000	113.450.000 11.345.000
.....
08/12	PC12/04	08/01	Rút quỹ gửi ngân hàng	112 111	300.000.000	300.000.000
.....
			Cộng phát sinh		367.874.158.218	367.874.158.218

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7: Trích sổ cái TK 632

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03b-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
05/11	PX51	05/11	Giá vốn dầu nhờn Van20W50 bán cho Cty Tiến Mạnh	156	20.810.130	
...
05/12	PX63	05/12	Giá vốn dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	156	106.956.000	
...
31/12	PKT123	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911		64.756.700.225
			Cộng số phát sinh		64.756.700.225	64.756.700.225
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

❖ Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm các khoản như lãi tiền gửi ngân hàng.
- Chi phí tài chính của công ty là khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động.

Nhưng trong năm 2014 công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

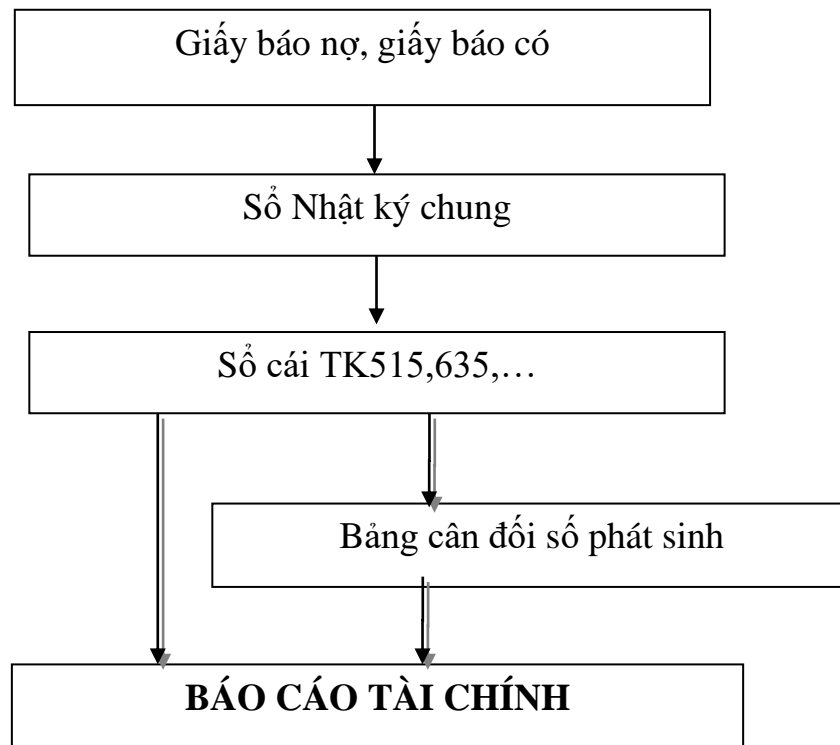
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu trả lãi tài khoản
- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh
- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ khác có liên quan...

❖ Các tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- Các TK khác có liên quan

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2014, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu nhận được giấy báo có của Ngân hàng Á Châu ACB về tiền lãi nhận được số tiền 160.080 đồng.

Biểu 2.8: Giấy báo có 519



Mã GDV: BATCH

Mã KH: 25879

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 4452485

Số tiền bằng số: 160.080

Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi nghìn không trăm tám mươi đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.9: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03a-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
05/12	PX63	05/12	Giá vốn hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	632 156	106.956.000	106.956.000
05/12	GBC512	05/12	Doanh thu hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	112 511 3331	124.799.000	113.450.000 11.345.000
....
31/12	GBC519	31/12	Lãi tiền gửi NH Á Châu	112 515	160.080	160.080
...
			Cộng phát sinh		367.874.158.218	367.874.158.218

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10: Trích sổ cái TK515

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03b-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
31/12	GBC519	31/12	Lãi tiền gửi NH Á Châu	112		160.080
...
31/12	PKT122	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	911	4.380.002	
			Cộng số phát sinh		4.380.002	4.380.002
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí về lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên văn phòng, các khoản trích theo lương, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng.

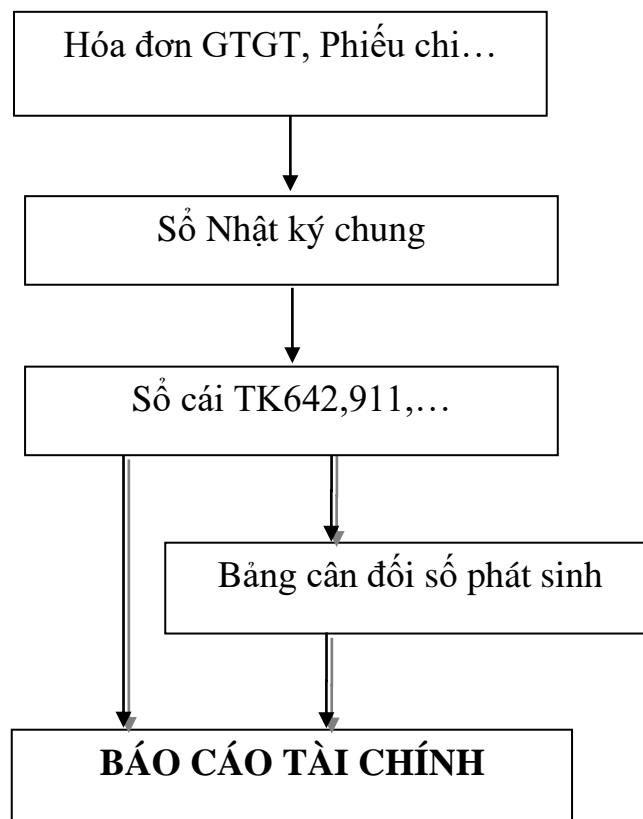
❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan...

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác có liên quan: TK111, TK112, TK131...

❖ Quy trình hạch toán




Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 01/12/2014, công ty thanh toán tiền điện thoại cho Chi nhánh Viettel Hải Phòng bằng tiền mặt số tiền 184.325 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%).

Biểu 2.11: Hóa đơn dịch vụ viễn thông (GTGT)

	<p>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)</p> <p>Liên 2: Giao khách hàng</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT2/003</p> <p>Ký hiệu: AG/14T</p> <p>Số 0475229</p>				
<p>TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI</p> <p>Số 1 đường Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội Việt Nam</p> <p>MST: 0100109106</p>						
<p>Đơn vị thu: CN Viettel Hải Phòng – Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội</p> <p>Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu. MST: 0200635046</p> <p>Địa chỉ: Số 19/80G Lê Lai, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng.</p> <p>Số thuê bao: 985467799 Kỳ cước: Từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014</p> <p>Số hợp đồng: 04547/2200280001/22012011 Hình thức thanh toán: Tiền mặt</p>						
STT	DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT (%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	B	C	1	2	$3 = 1 * 2$	$4 = 1 + 3$
1	Cước chịu thuế	M	184.325	10	18.433	202.758
2	Cước không chịu thuế	M	0			0
CỘNG			184.325		18.433	202.758
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN						202.758
<p>SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Hai trăm lẻ hai nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng chẵn</p>						
<p>Ngày....tháng...năm...</p> <p>Người nộp tiền</p> <p>(Ký, ghi rõ họ, tên)</p>			<p>Ngày 01 tháng 12 năm 2014</p> <p>Nhân viên giao dịch</p> <p>(Ký, ghi rõ họ, tên)</p>			

Biểu 2.12: Phiếu chi số PC12/06

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số 01-TT
ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính
Tel: (0313) 766.970 Quyền số: ...
Số: PC12/06

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Nợ 642: 184.325

Nợ 133: 18.433

Có 111: 202.758

Người nhận tiền: Lê Hồng Vân

Địa chỉ: Số 21, Lê Hồng Phong, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

Lý do chi: Trả tiền điện thoại

Số tiền: 202.758

Viết bằng chữ: Hai trăm lẻ hai nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng.

(Kèm theo 01 chứng từ gốc)

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.13: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03a-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
01/12	PC12/06	01/12	Trả tiền điện thoại	642 133 111	184.325 18.433	202.758
...
05/12	PX63	05/12	Giá vốn hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	632 156	106.956.000	106.956.000
05/12	GBC512	05/12	Doanh thu hàng dầu Diesel bán cho Cty Phúc Nam	112 511 3331	124.799.000	113.450.000 11.345.000
.....
08/12	PC12/04	08/01	Rút quỹ gửi ngân hàng	112 111	300.000.000	300.000.000
.....
			Cộng phát sinh		367.874.158.218	367.874.158.218

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14: Trích sổ cái TK 642

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03b-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
01/12	PC12/06	01/12	Trả tiền điện thoại	111	184.325	
...
10/12	PC12/11	10/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.268.000	
....
31/12	PKT123	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911		806.514.926
			Cộng số phát sinh		806.514.926	806.514.926
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

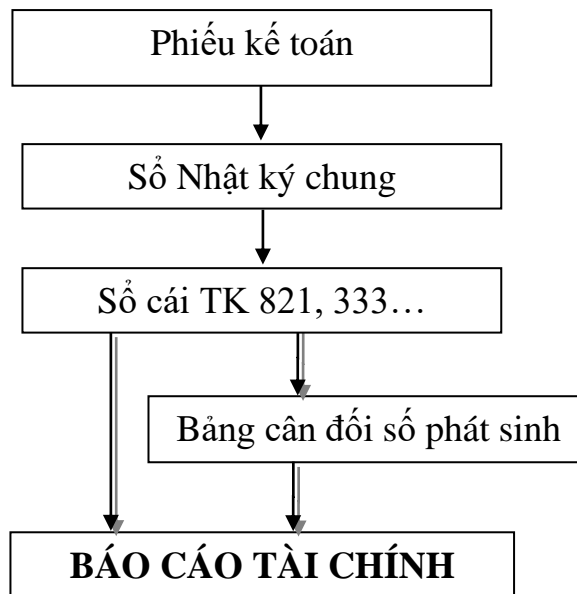
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2014 công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán chi phí thuế TNDN

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 821, 333
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 821 – Chi phí thuế TNDN
 - TK 3334 – Thuế TNDN
- ❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ⇨ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí thuế TNDN tại công ty

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2014, Công ty xác định thuế TNDN của năm 2014

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 34.086.661 đồng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp=Lợi nhuận kế toán trước thuế * 22%

$$= 34.086.661 * 22\% = 7.499.065 \text{ (đồng)}$$

Biểu 2.15: Phiếu kế toán số 124

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Minh Châu

Địa chỉ: 19/80G Lê Lai, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 124

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211	3334	7.499.065
			Cộng			7.499.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.16: Phiếu kế toán số 125

Đơn vị: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Minh Châu

ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 125

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	7.499.065
			Cộng			7.499.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.17: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03a-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
31/12	PKT122	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	65.592.921.810	65.592.921.810
.....
31/12	PKT123	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911 632	64.756.700.225	64.756.700.225
31/12	PKT124	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	7.499.065	7.499.065
31/12	PKT125	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911 821	7.499.065	7.499.065
...
			Cộng phát sinh		367.874.158.218	367.874.158.218

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.18: Trích sổ cái TK 821

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

Mẫu số S03b-DNN

ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên,

Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính

Tel: (0313) 766.970

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu tài khoản: 821

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT124		Xác định thuế TNDN	3334	7.499.065	
31/12	PKT125	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		7.499.065
			Cộng phát sinh		7.499.065	7.499.065
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu cũng không nằm ngoài quan điểm trên, kết quả kinh doanh của công ty chính là kết quả bán hàng

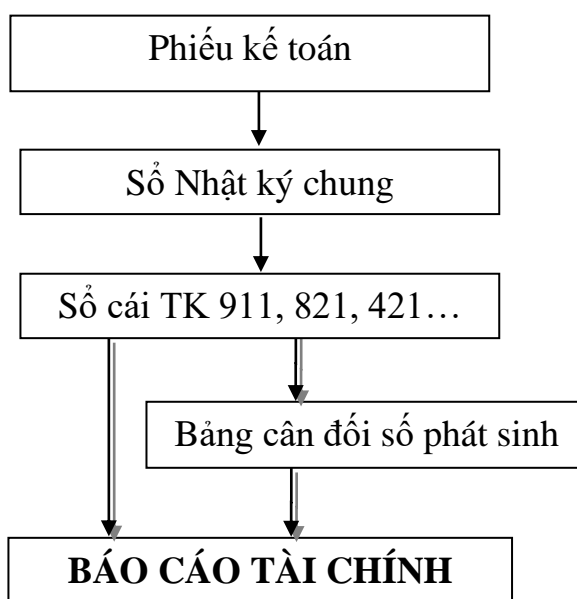
❖ Chứng từ sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Các sổ cái TK liên quan: 511, 515, 632, 642,...

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 821 – Chi phí thuế TNDN
- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Biểu 2.19: Phiếu kế toán số 122

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

Địa chỉ: 19/80G Lê Lai, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số:122

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	65.592.921.810
2		31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.380.002
			Cộng			67.201.085.066

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 123

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

Địa chỉ: 19/80G Lê Lai, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 123

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	64.756.700.225
2		31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	806.514.926
			Cộng			65.563.215.151

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 124

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

Địa chỉ: 19/80G Lê Lai, Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 124

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211	3334	7.499.065
			Cộng			7.499.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 125

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 125

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	8211	7.499.065
			Cộng			7.499.065

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 126

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Số: 126

Đơn vị tính: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
1		31/12	Kết chuyển lãi	911	421	26.587.596
			Cộng			26.587.596

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.24: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03a-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT122	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	65.592.921.810	65.592.921.810
31/12	PKT122	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515 911	4.380.002	21.286.376
31/12	PKT123	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911 632	64.756.700.225	64.756.700.225
...
31/12	PKT126	31/12	K/c lãi	911 421	26.587.596	26.587.596
			Cộng phát sinh		367.874.158.218	367.874.158.218

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.25: Trích sổ cái TK 911

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03b-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 911

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT122	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		65.592.921.810
31/12	PKT122	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		4.380.002
31/12	PKT123	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	64.756.700.225	
31/12	PKT123	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	642	806.514.926	
...
31/12	PKT126	31/12	K/c lãi	421	26.587.596	
			Cộng phát sinh		65.597.301.812	65.597.301.812
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.26: Trích sổ cái TK 421

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu Mẫu số S03b-DNN
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính
 Tel: (0313) 766.970

SỔ CÁI

Năm 2014

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu tài khoản: 421

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>89.466.279</u>
31/12	PKT	31/12	K/c lãi	911		26.587.596
			Cộng phát sinh			26.587.596
			Số dư cuối kỳ			<u>116.053.875</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu 2.27: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của BTC

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã	TM	Số năm trước	Số năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.08	181.710.011.448	65.592.921.810
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		181.710.011.448	65.592.921.810
4. Giá vốn hàng bán	11		178.208.857.958	64.756.700.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.501.153.490	836.221.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.436.915	4.380.002
7. Chi phí tài chính	22		277.107.638	0
_ Trong đó chi phí lãi vay	23		277.107.638	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		3.130.038.792	806.514.926
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		108.443.975	34.086.661
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	108.443.975	34.086.661
14. Chi phí thuế TNDN	51		18.977.696	7.499.065
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		89.466.279	26.587.596

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2015

CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH CHÂU**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

- Về bộ máy kế toán: công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” đơn giản và hiệu quả phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán sử dụng theo đúng Quyết định 48 của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006. Chứng từ đảm bảo sự chính xác về nội dung, quy trình luân chuyển chứng từ khoa học tạo điều kiện cho công tác

ghi sổ kế toán. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng: phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ và không gây ra sự đột biến trong giá sản phẩm hàng năm.

- Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn: theo phương pháp này mỗi lần nhập hàng đơn giá được tính theo phương pháp bình quân để áp dụng cho những lần xuất kế tiếp, tiện cho việc quản lý hàng tồn kho về mặt trị giá.

3.1.1.2. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC dài hạn được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phần hành kế toán, tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác, kịp thời: phục vụ đắc lực cho công tác quản lý công ty.

- Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng, kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quyền, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 nội bộ làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình

quản gia quyền liên hoàn nhờ vào đó giá vốn được cập nhật kịp thời trong phiếu xuất kho tạo điều kiện cho công tác hạch toán giá vốn.

- Về công tác kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính: kế toán hạch toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính rất rõ ràng, khoa học, do các khoản doanh thu tài chính, chi phí tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi tiền vay nên qua việc theo dõi tốt tài khoản 635 nhà quản trị có thể kiểm soát được chi phí lãi vay trong doanh nghiệp.

- Về công tác kế toán chi phí khác và thu nhập khác: kế toán theo dõi tốt 2 tài khoản chi phí khác và thu nhập khác đã giúp cho nhà quản trị quản lý được các khoản doanh thu bất thường và chi phí bất thường trong doanh nghiệp.

- Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời; qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên, công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

❖ Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán không lớn tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

❖ Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 511, TK632 dẫn đến việc khó theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng

❖ Về sổ sách sử dụng

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến công ty không theo dõi được doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng mặt hàng và khó theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

❖ Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Là một doanh nghiệp thương mại nên quy mô các khoản phải thu khách hàng của công ty là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí còn nhiều khách hàng nợ quá hạn. Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn.

❖ Về chính sách bán hàng

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán.

Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi mua hàng với số lượng lớn. Điều này gây ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn nhanh, vòng quay luân chuyển vốn lưu động và mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cũng chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán dẫn đến giảm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp, không thể hạn chế việc khách hàng chiếm dụng vốn của công ty.

3.2. Một số giải pháp nhằm góp phần xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu**3.2.1. Hoàn thiện hệ thống tài khoản tại công ty**

Theo em công ty nên mở thêm tài khoản chi tiết cho tài khoản 511 để theo dõi doanh thu cho từng mặt hàng cụ thể như sau:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 51111: Doanh thu bán Dầu Diesel

TK 51112: Doanh thu bán Dầu FO

TK 51113: Doanh thu bán Dầu nhớt Vanellus 20W50

TK 51114: Doanh thu bán Dầu nhòn Van 20W40

TK 51115: Doanh thu bán Dầu nhòn BP 20W50

Theo em công ty nên mở thêm tài khoản chi tiết cho tài khoản 632 để theo dõi giá vốn cho từng mặt hàng cụ thể như sau:

TK 6321: Giá vốn bán Dầu Diesel

TK 6322: Giá vốn bán Dầu FO

TK 6323: Giá vốn bán Dầu nhòn Vanellus 20W50

TK 6324: Giá vốn bán Dầu nhòn Van 20W40

TK 6325: Giá vốn bán Dầu nhòn BP 20W50

3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại công ty

❖ Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác,... Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng dầu (**Biểu 3.1, 3.2**).

❖ Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán của từng mặt hàng dầu (**Biểu 3.3, 3.4**).

Biểu 3.1: Mẫu Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S17-DNN

Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): ...

Năm...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.2: Sổ chi tiết bán hàng dầu Diesel

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN
 Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Dầu Diesel
 Năm 2014

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng (lít)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Thuế	Khác (5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
...						
05/12	HĐ 028	05/12	Bán cho công ty Phúc Nam	112	6.000	18.909	113.450.000		
...						
30/12	HĐ 037	30/12	Bán cho công ty Kiểm Bình	111	1.000	16.870	16.870.000		
31/12	HĐ 038	31/12	Bán cho công ty Thành An	131	5.400	16.870	91.098000		
			Cộng số phát sinh		1.342.080		26.700.855.010		
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Biểu 3.3: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:.....

Mẫu số S18-DNN

Địa chỉ:.....

Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154 , 632, 642,242)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Năm.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ tài khoản								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- Số dư đầu kỳ										
			- Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng SPS trong kỳ										
			- Ghi Có TK...										
			- Số dư cuối kỳ										

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh dầu Diesel (mở cho TK 632)

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu
 ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận
 Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S18-DNN
 Ban hành theo QĐ
 số:48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ Tài
 chính

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tài khoản: 632

- Tên sản phẩm: Dầu Diesel

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ tài khoản 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						Số lượng (lít)	Đơn giá (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
...
05/12	PX63	05/12	Xuất hàng theo HĐ 0000028	156	106.956.000	6.000	17.826
...
30/12	PX71	30/12	Xuất hàng theo HĐ 0000037	156	15.400.000	1.000	15.400
31/12	PX72	31/12	Xuất hàng theo HĐ 0000038	156	83.160.000	5.400	15.400
			Cộng SPS trong kỳ		26.360.702.170	1.342.080	
			Ghi Có TK...				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
 Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.3. Hoàn thiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Căn cứ khoản 2 điều 3 và khoản 1,2,3 điều 6 thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp quy định nguyên tắc chung, trích lập và sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

“Thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 01/1 và kết thúc 31/12 hàng năm) thì thời điểm lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là ngày cuối cùng của năm tài chính”.

❖ **Điều kiện:** là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải theo quy định này xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng,...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

❖ **Phương pháp lập dự phòng**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết...thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC, các khoản nợ phải thu khó đòi hạch toán vào tài khoản 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

Phương pháp hạch toán kế toán tài khoản 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi.

Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập Báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập.

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi được, kế toán thực hiện xoá nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có các TK 131, 138

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

- Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112,...

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán)

- Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho Công ty mua, bán nợ. Khi doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán) cho Công ty mua, bán nợ và thu được tiền, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . . (Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu)

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Nợ các TK liên quan (Số chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền thu được từ bán khoản nợ và số đã được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chính sách tài chính hiện hành)

Có các TK 131, 138, . . .

Căn cứ Bảng kê công nợ (**Biểu 3.5**), kế toán lập Bảng kê trích lập dự phòng (**Biểu 3.6**).

Biểu 3.5: Bảng kê công nợ

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu

ĐC: 19/80G Đường Lê Lai, Phường Lạc Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Tel: (0313) 766.970

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

(Tính đến 31/12/2014)

STT	Tên công ty	Số tiền	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Ghi chú
1	Công ty CP Nam Việt	81.760.164			81.760.164	9 tháng 15 ngày
2	Cty TNHH MTV vận tải biển Nam Triệu	13.731.344.114	7.893.556.220	5.837.787.894		
3	Công ty CP TM VT biển Đại Nam	4.805.785.139	2.250.640.500	2.555.144.639		
4	Công ty CP DV Tuấn Thành	240.500.000	240.500.000			
5	Công ty TNHH Thịnh Cường	3.780.820.080			3.780.820.080	15 tháng 3 ngày
...
	Cộng	43.124.462.191	25.752.883.445	9.366.103.654	8.005.475.092	

Biểu 3.6: Bảng kê trích lập dự phòng

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

(Tính đến 31/12/2013)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
1	Công ty CP Nam Việt	81.760.164	9 tháng 15 ngày	30%	24.528.049
2	Công ty TNHH Thịnh Cường	3.780.820.080	15 tháng 3 ngày	50%	1.890.410.040
	Cộng	3.862.580.244			1.914.938.089

Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi

Nợ TK 6422: 1.914.938.089

Có TK 1592: 1.914.938.089

Đồng thời, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán và ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 642 và sổ cái TK 159

3.2.4. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

Ít tốn thời gian: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

Dễ sử dụng: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng.

* Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015



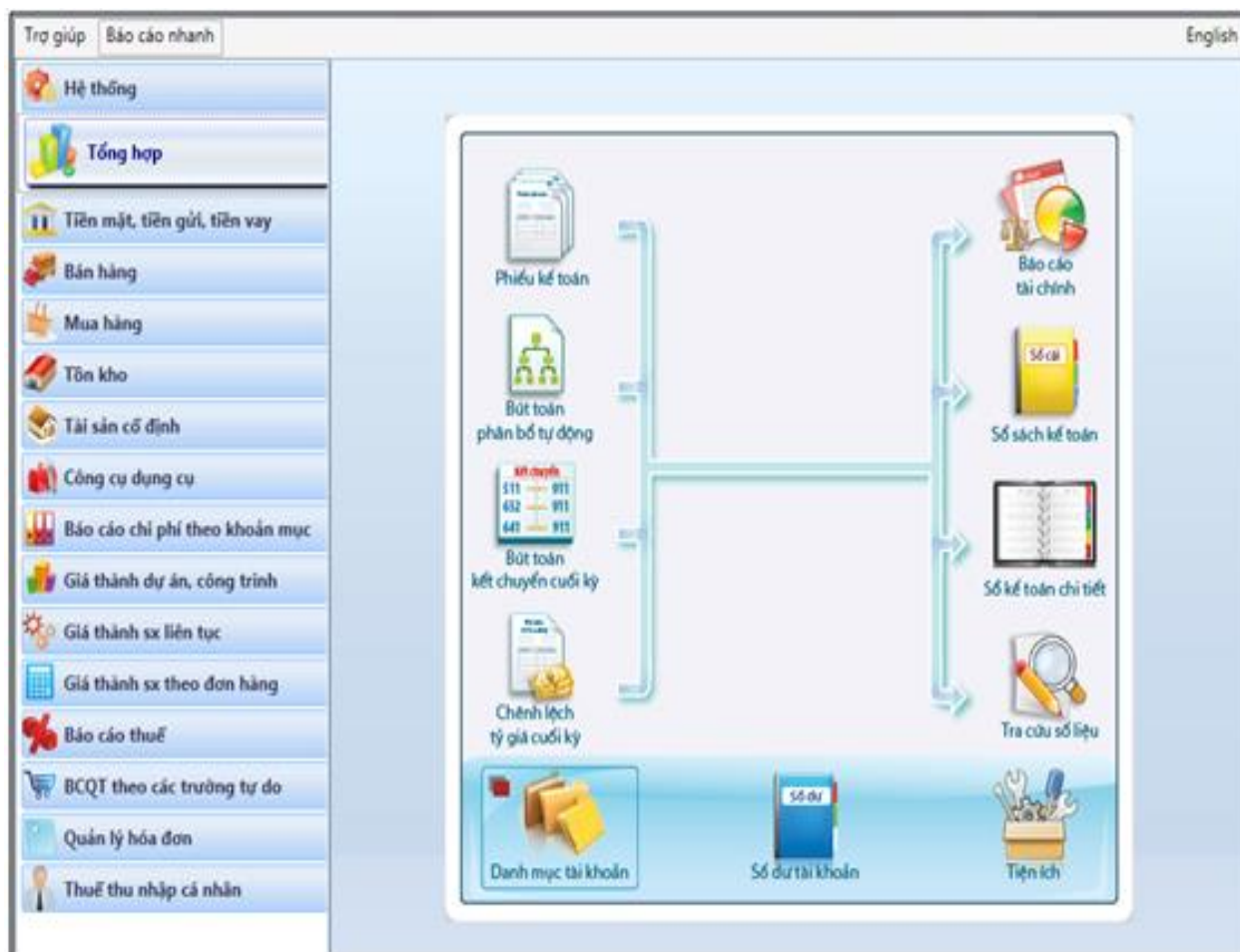
(Nguồn: www.misa.com.vn)

Chức năng:

MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

* Phần mềm kế toán FAST Accounting 11



(Nguồn: www.fast.com.vn)

Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Để từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu, giúp em nhận thức được các vấn đề về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức của bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo – Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các anh chị trong phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 6 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Huyền Trang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2012), *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, NXB Đại học kinh tế Quốc dân.
2. Các chứng từ, sổ sách năm 2014 tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Minh Châu.
3. PGS.TS. Nguyễn Văn Công (2009), *Kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
4. PGS.TS Nguyễn Văn Nhị (2007), *Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.